

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Y
TỈNH H**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 02/2023/DS - ST

Ngày 10 tháng 02 năm 2023

“V/v Tranh chấp Hợp đồng vay tài sản”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Y, TỈNH H

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Thị Nhiên.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Lê Xuân Thuật và ông Vũ Minh Đón.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Ông Đào Tiến Đạt - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Y, tỉnh H tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Huyền Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 10 tháng 02 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Y, tỉnh H xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 16/2021/TLST- DS ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc tranh chấp Hợp đồng vay tài sản, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 18/2022/QĐXXST-DS ngày 14 tháng 11 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 18/2022/QĐST – DS ngày 23 tháng 12 năm 2022, Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2023/QĐST – DS ngày 13 tháng 01 năm 2023, giữa các đương sự:

* Nguyên đơn: **Chị Đặng Thị M**, sinh năm 1982 (vắng mặt, chị M có đơn xin xét xử vắng mặt)

Anh Nguyễn Văn C, sinh năm 1982; (có mặt)

Đều có địa chỉ: Số nhà 52, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh L

Người đại diện theo ủy quyền của anh C: **Chị Đặng Thị M**, sinh năm 1982, (vắng mặt); địa chỉ: Số nhà 52, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh L. Theo Hợp đồng ủy quyền lập ngày 13 tháng 8 năm 2022.

* Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị T**, sinh năm 1991; (vắng mặt)

Địa chỉ cư trú: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H

* Người làm chứng:

1. **Chị Trần Thị L**, sinh năm 1987; (vắng mặt)

2. **Anh Nguyễn Văn Tr**, sinh năm 1987; (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H

3. Chị Nguyễn Thị Minh T1, (tên gọi khác là V), sinh năm 2002; (vắng mặt). Địa chỉ: Số nhà 52, khu phố B, thị trấn V, huyện V, tỉnh L.

(Chị L, anh Tr và chị T1 đều có đơn xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 13 tháng 8 năm 2020, bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Thị M trình bày:

Anh Nguyễn Văn C và chị Nguyễn Thị T là anh em ruột, vào tháng 5 năm 2019, chị T có cần tiền để mua đất tại khu vườn cam, đất giãn dân của UBND xã N, do thiếu tiền nên chị T có hỏi vay vợ chồng anh chị số tiền 230.000.000đồng và 02 cây vàng SJC. Khi vay chị T có nói số tiền 230.000.000đồng mỗi năm chị sẽ trả số tiền gốc là 100.000.000đồng và lãi suất theo Ngân hàng mà anh chị vay hộ là 11,5%/năm, còn vàng thì không tính lãi suất. Do anh chị chỉ có 80.000.000đồng nên anh chị đã vay của Ngân hàng nông nghiệp huyện V số tiền 150.000.000đồng với lãi suất 11,5%/năm để cho chị T vay.

Ngày 17/5/2019 anh C đã chuyển khoản cho chị T vay số tiền 230.000.000đồng vào số tài khoản 0591000261389 của chị T tại Ngân hàng ngoại thương, còn 02 cây vàng SJC anh chị có mượn của vợ chồng chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr là em trai của anh C để cho chị T vay và có nhờ em dâu chị L trực tiếp đưa cho chị T.

Đến ngày 10/12/2019 chị T đã trả lãi 06 tháng của khoản vay 230.000.000đồng cho anh chị số tiền là 13.300.000đồng gửi từ số tài khoản 0591000261389 của chị T qua tài khoản của anh C tại Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn huyện V, tỉnh L. Số lãi được tính từ khi vay cho đến ngày 17/11/2019.

Đến hạn trả nợ 100.000.000đồng tiền gốc theo như thỏa thuận, anh C và chị M đã gọi điện yêu cầu chị T trả số tiền gốc và lãi suất nhưng chị T không chịu trả. Nay anh chị đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải trả số tiền gốc đã vay của anh chị là 230.000.000đồng và tiền lãi theo thỏa thuận là 11,5%/năm cùng 02 cây vàng SJC đề nghị tính theo giá vàng thời điểm vay là 36 triệu đồng/cây. Tính đến ngày 19/9/2022 chị T còn nợ anh C và chị M số tiền gốc là 230 triệu đồng, lãi là 34 tháng đã trừ sáu tháng chị T đã thanh toán còn là: $34 \times 2.204.000\text{đồng/tháng} = 74.936.000\text{đồng}$. Tổng cả gốc và lãi đề nghị Tòa án buộc chị T phải thanh toán tạm tính đến ngày 19/9/2022 là 304.976.000đồng và 02 cây vàng SJC và đề nghị tính giá vàng lúc cho vay là 36 triệu đồng/cây hai cây = 72.000.000đồng.

* Bị đơn chị Nguyễn Thị T đã nhận Thông báo thụ lý vụ án của Tòa án và có yêu cầu Nguyên đơn gửi hồ sơ khởi kiện để chị trình bày ý kiến, Tòa án đã ra Thông báo yêu cầu Nguyên đơn thực hiện việc gửi hồ sơ khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo cho chị T và ngày 26/10/2020 Nguyên đơn chị Đặng Thị M đã

gửi toàn bộ đơn khởi kiện cùng tài liệu chứng cứ cho chị T, tuy nhiên Tòa án không thấy chị T gửi ý kiến về yêu cầu khởi kiện của anh C, chị M nên Tòa án đã ra Thông báo số 36/2020/ TB – CCTLCC ngày 07/12/2020 cho chị Nguyễn Thị T về việc cung cấp tài liệu chứng cứ và trình bày ý kiến liên quan đến yêu cầu khởi kiện, Thông báo phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải số 27/TB-TA ngày 17/5/2022 và Thông báo kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ số 35/TB-TA ngày 20/9/2022 nhưng Bị đơn – chị Nguyễn Thị T vẫn vắng mặt và không có ý kiến phản hồi.

* *Người làm chứng chị Trần Thị L và anh Nguyễn Văn Tr trình bày:* Vào khoảng đầu năm 2019 vợ chồng anh C chị M có điện thoại cho anh chị hỏi vay 02 cây vàng SJC mục đích để cho chị T vay mua đất và chị T là người sang tận nhà anh chị để lấy hai cây vàng. Chị L và anh Tr xác định việc vay vàng giữa vợ chồng chị và vợ chồng anh C M là việc của riêng của hai bên, anh chị không có yêu cầu đề nghị gì hết.

* *Người làm chứng chị Nguyễn Thị Minh T1 trình bày:* Vào năm 2019 chị có sử dụng nick Facebook là “Nguyentan” vào hồi 20 giờ 25 phút ngày 08/12/2019 cô Nguyễn Thị T là cô ruột của chị có nhắn tin qua nick facebook “Khanhlinh” với nội dung “Vân bảo bố tính lãi hộ cô mai cô gửi tiền vào cho. Tính xem 6 tháng hết bao nhiêu tiền, gửi cả số tài khoản cho cô nữa nhé” chị có nhắn lại cho cô T ủy nhiệm chi số tiền 230.000.000đồng mà bố chị là ông C đã gửi cho cô T vay, thì cô T bảo “Uh. Bảo bố tính hết bao nhiêu tiền lãi cho cô”. Sau đấy chị có bảo bố chị là ông C tính và bố chị đã tính ra giấy, đến hồi 05h51 phút ngày 09/12/2019 chị đã chụp gửi nguyên cho cô T biết cụ thể bố chị tính là: “số tiền 230.000.000đ, lãi suất 11,50%. Một năm = $(230.000.000 \times 11,50\% \times 365) : 365 = 26.450.000$. sáu tháng = $26450.000 : 2 = 13.225.000$ ” và đến hồi 05h51 phút ngày 10 tháng 12 chị có nhắn lại cô T là “Ba con nói...Cô gửi sớm cho ba con để trả cho ngân hàng” đến hồi 06 giờ 26 phút ngày 10 tháng 12 thì cô T nhắn lại “Um chiều cô gửi” và đến chiều 15 giờ 26 phút ngày 10 tháng 12 năm 2019 cô T đã gửi tin nhắn chụp hình ảnh Giấy nộp tiền số tiền chuyển cho bố chị và có nhắn chị là “Bảo bố cô đã gửi tiền rồi nhé tối ra rút đi” .

* *UBND xã N, Công an xã N và Trưởng thôn C nơi chị T cư trú cung cấp:* Hộ khẩu thường trú và cư trú hiện tại của chị Nguyễn Thị T là ở thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H. Việc Tòa án gửi các văn bản tố tụng cho chị T ông trưởng thôn đều là người trực tiếp đưa cho chị T, còn việc chị T có đến Tòa án hay không thì ông không biết, chị T thường xuyên đi vắng không có nhà. Chị T đã ly hôn chồng vào năm 2018 và đang ở một mình tại thôn C, xã N.

- UBND xã N còn cung cấp thêm vào tháng 4/2019 chị Nguyễn Thị T có trúng đấu giá quyền sử dụng đất với số tiền phải nộp là 605.000.000đồng, chị T đã nộp đủ.

* Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh H cung cấp số tài khoản 0591000316389 trong các ngày 17,18,19/5/2019 và ngày 10/12/2019 có thực hiện các giao dịch gồm:

Ngày 17/5/2019 số tiền ghi nợ: 290.000.000đồng; số tiền ghi có: không; nội dung Nguyễn Thị T rút tiền.

Ngày 17/5/2019 số tiền ghi nợ: 1.10001.100đồng; số tiền ghi có: không; nội dung rút tiền ATM 0590021.

Ngày 17/5/2019 số tiền ghi nợ: không; số tiền ghi có: 230.000.000đồng; nội dung Sender: Nguyen Van Chuc ct.

Ngân hàng còn cung cấp bản sao Giấy nộp tiền ngày 10/12/2019 thể hiện người nộp tiền chị Nguyễn Thị T có nộp vào tài khoản số 6610205091841 của anh Nguyễn Văn C số tiền 13.300.000đồng

* Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V tỉnh L cung cấp: Ngày 16/5/2019 ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị M có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000đồng, thời hạn vay là 36 tháng lãi suất là 11,5%/năm, phương thức nhận tiền là chuyển khoản vào số tài khoản 6610205091841 do ông C là chủ TK

Về thông tin tài khoản số 6610205091841 do ông C là chủ TK thể hiện ngày 17/5/2019 ông C có chuyển cho bà Nguyễn Thị T số tiền 230.000.000đồng. Hình thức chuyển tiền: Chuyển khoản vào số TK: 059100261389 do bà Nguyễn Thị T là chủ TK.

Ngày 10/12/2019 bà Nguyễn Thị T có chuyển vào TK của ông Nguyễn Văn C số tiền 13.300.000đồng.

Tại phiên tòa:

Nguyên đơn anh Nguyễn Văn C giữ nguyên yêu cầu khởi kiện đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Thị M số tiền gốc đã vay là 230.000.000đồng và tiền lãi tính từ ngày 18/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/02/2023 là 85.509.589đồng. Tổng cả gốc và lãi là 315.509.589 đồng và 02 cây vàng SJC, anh C đề nghị chị T trả bằng vàng.

* Quan điểm của Đại diện VKSND huyện Y:

Về thủ tục tố tụng: Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đã tuân thủ theo trình tự thủ tục, thực hiện đầy đủ theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, bị đơn cố tình trốn tránh, không tuân thủ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự dẫn đến việc giải quyết còn khó khăn, phiên tòa phải hoãn. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện các thủ tục đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, không xảy ra vi phạm về tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ các Điều 463, 466 và 468 Bộ luật Dân sự; Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Bị đơn phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1]. Về tố tụng: Quan hệ pháp luật được xác định là tranh chấp hợp đồng dân sự, bị đơn có nơi cư trú tại địa phận huyện Y. Căn cứ khoản 3 Điều 26 và điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, là thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Y.

- Bị đơn Chị Nguyễn Thị T đã được tổng đạt các văn bản tố tụng hợp lệ đến lần thứ hai nhưng chị T vẫn vắng mặt không lý do, Nguyên đơn chị Đặng Thị M và những người làm chứng đều có đơn xin xét xử vắng mặt nên HĐXX tiến hành xét xử vắng mặt những người trên là phù hợp với quy định tại các Điều 227, 228 và 229 Bộ luật tố tụng dân sự.

Đối với yêu cầu của chị Nguyễn Thị T đề nghị được nhận tất cả tài liệu liên quan của người khởi kiện đã nộp cho Tòa án. Tòa án nhân dân huyện Y đã có Thông báo số 16/2020/TB-TA ngày 19 tháng 10 năm 2020 về việc gửi bản sao đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn cho bị đơn chị Nguyễn Thị T, ngày 26/10/2020 Nguyên đơn chị Đặng Thị M có nộp cho Tòa án phiếu chuyển phát nhanh, thể hiện việc chuyển đơn khởi kiện và tài liệu chứng cứ kèm theo đơn khởi kiện cho chị Nguyễn Thị T nên căn cứ vào khoản 9 Điều 70 Bộ luật tố tụng dân sự, Nguyên đơn chị M đã thực hiện đúng nghĩa vụ của mình.

[2]. Về nội dung:

[3.1]. Đối với yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C về việc đề nghị Tòa án buộc chị Nguyễn Thị T phải trả anh chị số tiền gốc đã vay là 230.000.000đồng và lãi tạm tính từ ngày 18/11/2019 đến ngày 19/9/2022 là 74.936.000đồng và 02 cây vàng SJC. HĐXX thấy:

Đối với khoản vay 230.000.000đồng tiền gốc, chị M và anh C xác định cho chị T vay với mục đích để thanh toán tiền trúng thầu đất giãn dân mua của xã N, khi vay anh C đã dùng tài khoản của mình là số 6610205091841 để chuyển khoản cho chị T vay theo số tài khoản của chị T là 059100261389, lãi suất vay là 11,5%/năm, do khi vay anh C và chị M chỉ có số tiền 80.000.000đồng nên phải vay số tiền 150.000.000đồng của Ngân hàng nông nghiệp huyện V để cho chị T vay nên hai bên có thống nhất lãi suất vay theo lãi suất Ngân hàng nông nghiệp huyện V cho anh chị vay là 11,5%/năm. Mặc dù khi cho vay hai bên không lập thành văn bản, không có người chứng kiến, tuy nhiên Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam Chi nhánh H cung cấp số tài khoản 0591000316389 mang tên Nguyễn Thị T trong các ngày 17,18,19/5/2019 và ngày 10/12/2019 có thực hiện các giao dịch gồm: Ngày 17/5/2019 số tiền ghi nợ: 290.000.000đồng; số tiền ghi có: không; nội dung Nguyễn Thị T rút tiền. Ngày 17/5/2019 số tiền ghi nợ: 1.10001.100đồng; số tiền ghi có: không; nội dung rút tiền ATM 0590021. Ngày 17/5/2019 số tiền ghi nợ:

không; số tiền ghi có: 230.000.000đồng; nội dung Sender: Nguyen Van Chuc ct. Ngân hàng còn cung cấp bản sao Giấy nộp tiền ngày 10/12/2019 thể hiện người nộp tiền chị Nguyễn Thị T có nộp vào tài khoản số 6610205091841 của anh Nguyễn Văn C số tiền 13.300.000đồng, điều này phù hợp và Ngân hàng nông nghiệp và phát triển nông thôn Việt Nam – Chi nhánh huyện V, L cung cấp: Ngày 16/5/2019 ông Nguyễn Văn C và bà Đặng Thị M có vay của Ngân hàng số tiền 150.000.000đồng, thời hạn vay là 36 tháng lãi suất là 11,5%/năm, phương thức nhận tiền là chuyển khoản vào số tài khoản 6610205091841 do ông C là chủ TK. Về thông tin tài khoản số 6610205091841 do ông C là chủ TK thể hiện ngày 17/5/2019 ông C có chuyển cho bà Nguyễn Thị T số tiền 230.000.000đồng. Hình thức chuyển tiền: Chuyển khoản vào số TK: 059100261389 do bà Nguyễn Thị T là chủ TK. Ngày 10/12/2019 bà Nguyễn Thị T có chuyển vào TK của ông Nguyễn Văn C số tiền 13.300.000đồng, điều này cũng phù hợp với lời trình bày của chị Nguyễn Thị Minh T1 xác định chị Nguyễn Thị T có sử dụng nick facebook “Khanh linh” nhấn vào tài khoản Facebook của chị là “Nguyentan” để bảo bố chị là ông C tính tiền lãi 06 tháng của khoản vay 230.000.000đồng và sau đó chị T có chụp lại giấy nộp tiền thể hiện mình đã chuyển tiền lãi cho anh C. Từ những căn cứ trên, có đủ cơ sở để xác định ngày 17/5/2019 anh C và chị M có chuyển cho chị Nguyễn Thị T vay số tiền gốc 230.000.000đồng bằng hình thức chuyển khoản vào số tài khoản: 059100261389 của chị Nguyễn Thị T và có việc thỏa thuận về lãi là 11,5%/năm phù hợp với việc ngày 10/12/2019 chị Nguyễn Thị T có chuyển vào tài khoản của anh Nguyễn Văn C số tiền 13.300.000đồng để thanh toán số tiền lãi 6 tháng. Hội đồng xét xử xét thấy khoản vay 230.000.000đồng của vợ chồng chị M anh C cho chị T vay là có lãi và việc thỏa thuận vay mượn giữa vợ chồng chị M anh C với chị T là hoàn toàn tự nguyện, thỏa thuận về lãi cho vay phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật dân sự 2015 nên cần chấp nhận. Chị M, anh C xác định kể từ khi vay đến ngày 17/11/2019 chị T đã trả được 6 tháng lãi suất là 13.300.000đồng là có căn cứ phù hợp với cung cấp của Ngân hàng nông nghiệp Vĩnh Hưng tại BL 76 và Ngân hàng kỹ thương Việt Nam tại BL 80 nên lãi suất sẽ được tính tiếp kể từ ngày 18/11/2019.

Đối với việc anh C và chị M cho chị T vay 02 cây vàng SJC mục đích cũng để thanh toán tiền đất, mặc dù việc vay mượn không lập thành văn bản, tuy nhiên theo cung cấp của anh Nguyễn Văn Tr và chị Trần Thị L là em trai và em dâu anh C xác định vào khoảng đầu năm 2019 vợ chồng anh Tr, chị L có cho vợ chồng anh C, chị M vay 02 cây vàng SJC để cho chị T vay trả tiền đất và nhờ chị L đưa cho chị T. Chị L là người trực tiếp đưa cho chị T, điều này cũng phù hợp với cung cấp của UBND xã N về việc tháng 4/2019 chị T trúng thầu đất giãn dân với số tiền cần thanh toán là 605 triệu đồng nên có cơ sở xác định việc chị Nguyễn Thị T có vay của anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Thị M 02 cây vàng SJC, việc vay mượn này là

tự nguyện, vay không có lãi. Tại phiên tòa anh C đề nghị chị T phải trả cho vợ chồng anh 02 cây vàng SJC là có cơ sở cần được chấp nhận.

Tính đến thời điểm xét xử sơ thẩm chị Nguyễn Thị T còn nợ số tiền gốc đã vay của vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Thị M là 230.000.000đồng với lãi suất là 11,5%/năm tính từ ngày 18/11/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm 10/02/2023, công thức tính lãi như sau: $230.000.000\text{đồng} \times 11,5\%/\text{năm} : 365 \text{ ngày} = 72.465\text{đồng}/\text{ngày} \times 1.180 \text{ ngày} = 85.509.589\text{đồng}$. Như vậy tiền lãi của khoản vay là 85.509.589đồng. Tổng cộng số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử là 315.509.589 đồng và 02 cây vàng SJC. Cần buộc chị Nguyễn Thị T phải thanh toán trả cho vợ chồng anh Nguyễn Văn C và chị Đặng Thị M số tiền và vàng trên.

Giá vàng SJC tại ngày xét xử sơ thẩm 10 tháng 02 năm 2023 là 67,37 triệu đồng/lượng (67.370.000đồng/cây).

[4]. Về án phí: Yêu cầu của đồng nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí và được hoàn tiền tạm ứng án phí đã nộp theo quy định của pháp luật.

Bị đơn chị Nguyễn Thị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[5] Xét ý kiến của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp với quy định của pháp luật nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ Các Điều 463, Điều 466, 468, Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015. Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng thẩm phán TAND tối cao; Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C

Buộc chị Nguyễn Thị T, sinh năm 1991 ở thôn C, xã N, huyện Y, tỉnh H phải thanh toán trả cho chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C số tiền nợ gốc là 230.000.000đồng (*Hai trăm ba mươi triệu đồng*) và số tiền lãi tạm tính đến ngày xét xử sơ thẩm 10/02/2023 là: 85.509.589đồng (*Tám mươi năm triệu năm trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*). Tổng số tiền là 315.509.589đồng (*Ba trăm mười năm triệu năm trăm linh chín nghìn năm trăm tám mươi chín đồng*) và 02 cây vàng SJC.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, anh C, chị M có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, cơ quan thi hành án dân sự ra quyết định thi hành án, chị T không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì còn phải trả lãi do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền theo quy định tại Điều 357 Bộ luật dân sự năm 2015

2. Về án phí:

Chị Nguyễn Thị T phải chịu số tiền 22.009.983đồng (*Hai mươi hai triệu không trăm linh chín nghìn chín trăm tám mươi ba đồng*) án phí dân sự sơ thẩm.

Trả lại chị Đặng Thị M và anh Nguyễn Văn C số tiền 8.746.000đồng tạm ứng án phí theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2015/0003312 ngày 05 tháng 10 năm 2020 của Chi cục thi hành án huyện Y.

3. Về quyền kháng cáo: Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được giao cho họ hoặc được niêm yết.

* Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án/.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Y;
- Chi cục THA huyện Y;
- TAND, VKSND tỉnh H;
- Lưu hồ sơ.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Phan Thị Nhiên